Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3805.90.00

Mã HS	3805.90.00
Mô tả hàng hóa	Dầu turpentine gôm, dầu turpentine gỗ hoặc dầu turpentine sulphate và các loại dầu terpenic khác được sản xuất bằng phương pháp chưng cất hoặc xử lý cách khác từ gỗ cây lá kim; dipentene thô; turpentine sulphit và para-cymene thô khác; dầu thông có chứa alpha-terpineol như thành phần chủ yếu / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 12:10:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38059000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5349
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5349
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5349
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5198
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5159
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5159
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5159
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5159
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5159
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5159
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5203
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5203
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5203
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5203

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5203
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5203
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5201
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5201
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5201
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5201
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5201
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5201
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5201
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5165
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5161
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5161
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5161
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5161
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5161
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5161
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5170
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5170
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5170
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5170
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5170
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5170
VCFTA	2022	2022	5	VC!D5208
VCFTA	2023	2023	5	VC!E5208
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5208
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5208

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5208
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5208
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5205
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5205
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5205
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5205
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5205
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5205
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5213
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5213
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5213
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5213
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5213
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5213
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5184
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5184
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5184
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5184
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5184
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5184
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5186
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5186
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5186
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5186
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5186
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5186

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5184
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5184
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5184
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5184
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5184
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5184
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5184
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5205
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5205
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5205
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5205
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5205
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5205
RCEP B	2022	2022	0	B!D5205
RCEP B	2023	2023	0	B!E5205
RCEP B	2024	2024	0	B!F5205
RCEP B	2025	2025	0	B!G5205
RCEP B	2026	2026	0	B!H5205
RCEP B	2027	2027	0	B!I5205
RCEP C	2022	2022	0	C!D5205
RCEP C	2023	2023	0	C!E5205
RCEP C	2024	2024	0	C!F5205
RCEP C	2025	2025	0	C!G5205
RCEP C	2026	2026	0	C!H5205
RCEP C	2027	2027	0	C!I5205
RCEP D	2022	2022	0	D!D5205

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5205
RCEP D	2024	2024	0	D!F5205
RCEP D	2025	2025	0	D!G5205
RCEP D	2026	2026	0	D!H5205
RCEP D	2027	2027	0	D!I5205
RCEP E	2022	2022	0	E!D5208
RCEP E	2023	2023	0	E!E5208
RCEP E	2024	2024	0	E!F5208
RCEP E	2025	2025	0	E!G5208
RCEP E	2026	2026	0	E!H5208
RCEP E	2027	2027	0	E!I5208
RCEP F	2022	2022	0	F!D5205
RCEP F	2023	2023	0	F!E5205
RCEP F	2024	2024	0	F!F5205
RCEP F	2025	2025	0	F!G5205
RCEP F	2026	2026	0	F!H5205
RCEP F	2027	2027	0	F!I5205
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F4793
VIFTA	2025	2025	4	VI!G4793
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H4793
VIFTA	2027	2027	3	VI!I4793

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3805.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3805.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5349), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.